ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59/2013/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh và đặt tên đường tại các phường thuộc thị xã Hương Trà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hoá Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và đặt tên đường tại các phường của thị xã Hương Trà;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh 04 tên đường nối dài và đặt tên 66 đường tại các phường thuộc thị xã Hương Trà (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai đồng bộ các thủ tục liên quan đến công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị đối với các tuyến đường được điều chỉnh và đặt tên ghi tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường thuộc thị xã Hương Trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hòa

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

(Kèm theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh)

A. ĐIỀU CHỈNH ĐƯỜNG NỐI DÀI: 04 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường Quốc lộ 1A	Quốc lộ 1A Km810	Cầu An Lỗ	2,430	12	11	54	36	Bê tông nhựa	**Cách mạng tháng Tám**
2	Đường Lương thực 3	Lê Hoàn	Kho C393	155	9	5	9	5	Bê tông nhựa	**Hồ Văn Tứ**
3	Đường Tiểu khu 2 nối dài	Giáp Phường Tứ Hạ (Đường Nguyễn Hiền)	Đường tránh Huế	710	15,5	7,5	24	12	Bê tông nhựa	**Lê Thái Tổ**
4	Đường cặp sông Bồ	Giáp Tổ dân phố 7, Phường Tứ Hạ	Quốc lộ 1A Km 807+050)	2,400	13	7	16,5	10,5	Bê tông nhựa	**Sông Bồ**

B. ĐẶT TÊN 66 ĐƯỜNG:

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
I. ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG: 8 ĐƯỜNG										
1	Đường tránh phía Tây thành phố Huế	Ngã 3 đường tránh Huế (phường Tứ Hạ)	Giáp Cầu Tuần	18.980	12	11	54	36	Bê tông nhựa	**Kim Phụng**
2	Đường Quốc lộ 1A	Giáp thành phố Huế (Lý Thái Tổ)	Ngã 3 đường tránh (phường Tứ Hạ)	6.160	12	11	54	36	Bê tông nhựa	**Lý Nhân Tông**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
3	Đường WB2 Tứ Hạ - Hương Vân	Quốc lộ 1A (Tứ Hạ)	Cầu Hiền Sĩ (phường Hương Vân)	3.120	6	3,5	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Tôn Thất Bách**
4	Đường Tứ Hạ - Hương Vân 1	Đường tỉnh lộ 16	Đường WB2	1.500	6	3,5	24	12	Thấm nhập nhựa	**Trần Hữu Độ**
5	Đường Sông Bồ nối dài	Cầu Tứ Phú	Hói Cửa Khâu	1.110	13,5	7,5	19,5	10,5	Bê tông nhựa	**Bửu Kế**
6	Đường Hương Chữ - Hương An.	Ngã 3 giáp cầu Phường Trung (phường Hương Chữ)	Cống An Vân (Phường Hương An)	4.960	6	4	13,5	7,5	Bê tông xi măng + nhựa	**Lý Thần Tông**
7	Đường Hương Văn - Hương Vân	Đường tỉnh lộ 16	Cây Mao (Phường Hương Vân)	5.100	8	3	32	12x2	Thấm nhập nhựa + Bê tông xi măng + Cấp phối	**Trần Văn Trà**
8	Đường Hương Văn - Hương Vân (Châu Hoàng Liên xã)	Ngã 3 đường vào nhà máy Thủy điện Hương Điền	Giáp đường liên thôn Sơn Công - Lại Bằng	2.600	6	3	19,5	10,5	Bê tông nhựa + Bê tông xi măng	**Đinh Nhật Dân**

II. PHƯỜNG TỨ HẠ (ĐỢT II): 14 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường nối Nguyễn Hiền - Độc Lập	Đường Nguyễn Hiền	Đường Độc Lập	170	10,5	5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Hà Thế Hạnh**
2	Đường nối Độc Lập - Lý Bôn	Đường Độc Lập	Đường Lý Bôn	132	5,5	3.5	6	3,5	Bê tông nhựa	**Lê Văn An**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
3	Đường Phía Nam Ngân Hàng (CMT8-Lê Mậu Lệ)	Đường CMT8 (QL1A)	Cuối tuyến	152	11	5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Lâm Hồng Phấn**
4	Đường Phía Tây phường Tứ Hạ	Đường Kim Trà	Đường CMT8 (QL1A)	2.542	6,5	3,5	42	12x2	Bê tông nhựa	**Đặng Vinh**
5	Đường vào trạm Y tế	Đường CMT8 (QL1A)	Đường Sông Bồ	389	11,5	5,5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Võ Bá Hạp**
6	Đường vào HTX Phú Ốc	Đường CMT8 (QL1A)	Đường Sông Bồ	399	16,5	11	16,5	10,5	Bê tông nhựa	**Phú Ốc**
7	Đường Kim Trà 2 (Đường Quy hoạch dân cư TDP6)	Đường Thống Nhất	Đường Kim Trà	534	9	5	10,5	5,5	Bê tông nhựa	**Nguyễn Bá Loan**
8	Đường Đ1-2 quy hoạch chợ Tứ Hạ	Đường Hoàng Trung	Đường Lý Thái Tông	278	10	6	10	6	Bê tông nhựa	**Lê Đình Dương**
9	Đường Đ3 quy hoạch chợ Tứ Hạ (Đường Ngõ phố 3 cũ)	Đường Đ4 quy hoạch chợ Tứ Hạ	Đường Sông Bồ	295	10	6	10	6	Bê tông nhựa	**Nguyễn Khoa Minh**
10	Đường Đ4 quy hoạch chợ Tứ Hạ (Đường Ngõ phố 3 cũ)	Đường CMT8 (QL1A)	Đường Trần Quốc Tuấn	203	11	7	11	7	Bê tông nhựa	**Nguyễn Khoa Thuyên**
11	Đường nối đường Lý Thái Tông - Ngụy Như Kon Tum	Đường Lý Thái Tông	Đường Ngụy Như Kon Tum	221	6	3,5	6	3,5	Bê tông nhựa	**Phạm Hữu Tâm**
12	Đường 17B	Đường CMT8 (QL1A)	Đường Sông Bồ	147	11	5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Võ Hoành**
13	Đường Lương Thực 1	Đường Lê Hoàn	Kho C393	155	11	5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Lê Thái Tông**
14	Đường Khu Ép Lạc	Đường CMT8 (QL1A)	Đường nối Nguyễn Hiền - Độc Lập	391	11	5	11	5	Bê tông nhựa	**Tống Phước Trị**

III. PHƯỜNG HƯƠNG VÂN: 04 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường liên tổ dân phố 8, 9, 10	Tổ dân phố 8	Núi Cây Mao	2.400	8	3	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Khe Trái**
2	Đường liên tổ dân phố 6, 7	Cổng làng Lại Bằng	Trường Mầm non Hương Vân	1.800	8	3	11,5	5,5	Thấm nhập nhựa	**Hoàng Kim Hoán**
3	Đường từ cầu Hiền Sĩ đi Lại Bằng	Cầu Hiền Sĩ	Bia Liệt sĩ	2.100	6	3.5	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Trần Trung Lập**
4	Đường Khu tái định cư Lại Bằng	Đường Châu Hoàng Liên xã	Núi Cây Mao	1.800	8	3	11,5	5,5	Cấp phối	**Nguyên Hồng**

IV. PHƯỜNG HƯƠNG VĂN: 10 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường tỉnh lộ 10 cũ	Quốc lộ 1A Km813	Đường tỉnh 16 Km3+150	2.600	7,5	3,5	16,5	10,5	Bê tông nhựa + Bê tông xi măng	**Văn Xá**
2	Đường Giáp Thượng - Giáp Trung	Nhà Thờ Họ Phạm	Đường tỉnh lộ 16 Km4	3.300	7	3,5	30	7,5x2	Bê tông nhựa	**Trần Bạch Đằng**
3	Đường Tổ dân phố 5	Ngã 3 đường tránh	Tiểu khu 2 nối dài	450	10,5	5,5	13,5	7,5	Bê tông nhựa	**Tô Hiệu**
4	Tuyến số 1 quy hoạch ruộng Cà	Đường tránh Huế	Cuối tuyến	566	19,5	11	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Trần Văn Giàu**
5	Tuyến số 10 quy hoạch ruộng Cà	Cuối tuyến số 1 quy hoạch Ruộng Cà	Cuối tuyến	267	18,5	11	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Ngô Kim Lân**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
6	Tuyến số 9 quy hoạch ruộng Cà	Tuyến số 1 quy hoạch ruộng Cà	Cuối tuyến	267	11,5	5,5	11,5	5,5	Bê tông xi măng	**Lê Quang Bính**
7	Đường Bến đò	Quốc lộ 1A	Đường sông Bồ nối dài	1.200	5	3	10,5	5,5	Bê tông xi măng	**Thuận Thiên**
8	Đường Tổ dân phố 4	Quốc lộ 1A	Đường sông Bồ nối dài	780	5	3	10,5	5,5	Bê tông xi măng	**Trần Hưng Đạt**
9	Đường Tổ dân phố 6	Đường tránh Huế	Đường tỉnh lộ 10 cũ	1.050	5	3	10,5	5,5	Bê tông xi măng	**Phan Đình Tuyển**
10	Đường Ngõ phố 1	Quốc lộ 1A	Niệm phật đường	400	11,5	5,5	11,5	5,5	Bê tông nhựa	**Ngô Tất Tố**

V. PHƯỜNG HƯƠNG XUÂN: 08 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường 19 tháng 5	Quốc lộ 1A	Cầu ông Ân	980	5	3	24	12	Bê tông xi măng	**Trà Kệ**
2	Đường Tây Xuân	Quốc lộ 1A	Đường tránh Huế	2.300	6	3	16,5	10,5	Thấm nhập nhựa	**Lê Thuyết**
3	Đường Thượng Thôn - Thanh Khê	Đường tránh Huế	Thôn Thanh Khê	2.500	6	3	16,5	10,5	Bê tông xi măng + cấp phối	**Trần Quang Diệm**
4	Đường Hói 7 xã	Cầu Ông Ân	Chợ Kệ Thanh Lương	889	5	3	7,5	4,5	Bê tông xi măng	**Trần Văn Trung**
5	Đường đê bao sông Bồ 1	Hương Văn	Cô Đàn Thanh Lương	1.890	5	3	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Đặng Huy Tá**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
6	Đường đê bao sông Bồ 2	Cô Đàn Thanh Lương	Xuân Đài (TDP7)	2.270	5	3	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Bùi Điền**
7	Đường Thanh Lương 1	Cầu Ông Ân	Đường đê bao sông Bồ	921	5	3	19,5	10,5	Bê tông xi măng	**Dương Bá Nuôi**
8	Đường tỉnh lộ 8A	Quốc lộ 1A	Cầu Thanh Lương	1.200	6	3.5	36	10,5x2	Bê tông nhựa	**Lê Đức Thọ**

VI. PHƯỜNG HƯƠNG CHỮ: 7 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường trung tâm phường	Cổng làng La Chữ	Giáp đường tránh Huế	3.240	6	3,5	11,5	6	Bê tông xi măng + Thấm nhập nhựa	**Hà Công**
2	Đường xóm Rẫy lên Bàu Ruồng	Cổng xóm Rẫy	Trạm biến thế bàu Ruồng	1.600	6	3	11,5	6	Bê tông xi măng	**Phú Lâm**
3	Đường Trường THCS Hương Chữ đến nhà sinh hoạt tổ 7	Trường THCS Hương Chữ	Nhà sinh hoạt tổ 7	800	6	3	11,5	6	Bê tông xi măng	**Trường Thi**
4	Đường cầu Phường Nam đến làng Phú Ổ	Cầu Phường Nam	Làng Phú Ổ	1.350	6	3	11,5	6	Bê tông xi măng	**Phan Kế Toại**
5	Đường từ cổng làng An Đô đến đình làng An Đô	Cổng làng An Đô	Đình Làng An Đô	1.500	6	3	11,5	6	Bê tông xi măng	**An Đô**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
6	Đường Cặp Bến	Nhà ông Phạm Sơn	Trạm bơm Quê Chữ	900	6	3	11,5	6	Bê tông xi măng	**Kha Vạng Cân**
7	Đường cặp hói 7 xã	Trạm bơm xóm cụt	Nhà ông Xòa	2.800	6	3	11,5	6	Cấp phối	**Lê Quang Tiến**

VII. PHƯƠNG HƯƠNG AN: 03 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường trung tâm phường	Cầu Bồn Trì	Giáp ranh giới phường Hương Long	3.380	9	6	13,5	7,5	Bê tông xi măng + thấm nhập nhựa	**Cao Văn Khánh**
2	Đường An Vân - An Hòa	Đường WB Hương Chữ - Hương An - Hương Hồ	Đường tránh Huế	1.000	6	3,5	12	6	Bê tông xi măng	**Nguyễn Đăng Thịnh**
3	Đường làng Bồn Trì	Đường tránh Huế	Đình làng Bồn Trì	1.020	5	3	5	3	Bê tông xi măng	**Bồn Trì**

VIII. PHƯỜNG HƯƠNG HỒ: 12 ĐƯỜNG

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
1	Đường tỉnh lộ 12B	Giáp địa phận Thành phố Huế	Đường tránh Huế	3.510	11	7	31	7	Bê tông nhựa	**Văn Thánh**

TT	Đường hiện tại	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Hiện trạng		Quy hoạch		Loại mặt đường	Tên đường
					Nền (m)	Mặt (m)	Nền (m)	Mặt (m)		
2	Đường Lựu Bảo - Cầu Xước Dũ	Ngã ba Lựu Bảo	Cầu Xước Dũ	840	6	3,5	13,5	7,5	Thấm nhập nhựa	**Nguyễn Trọng Nhân**
3	Đường tỉnh lộ 12B	Ngã 3 Xước Dũ	Đường tránh Huế (Công ty Về Nguồn)	3.500	5	3	31	7	Bê tông nhựa	**Long Hồ**
4	Đường Lựu Bảo	Giáp phường Hương Long	Ngã 3 Lựu Bảo - Nham Biều	1.100	5	3	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Lựu Bảo**
5	Đường Chầm	Ngã tư đường Tránh (cây xăng 24)	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh	2.090	6	3	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Chầm**
6	Đường ra khu Tái định cư Quai Chèo	Đường tỉnh lộ 12B	Khu Tái định cư Quai Chèo	1.000	9	3	9	6	Bê tông xi măng	**Hồ Thừa**
7	Đường Trung Tâm Phường đoạn 1	Đường tỉnh lộ 12B	Nhà thờ họ Mai	450	5	3,5	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Đoàn Văn Sách**
8	Đường Trung Tâm Phường đoạn 2	Đường tỉnh lộ 12B	Miếu Xóm	410	5	3,5	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Lê Quang Việp**
9	Đường Nội thị số 2	Đường tỉnh lộ 12B	Giáp Sông Hương	330	5	3	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Phạm Triệt**
10	Đường Nội thị số 3	Tỉnh lộ lộ 12B (chợ Hương Hồ)	Ngã ba Trường Tiểu học số 1 Hương Hồ	250	5	3	8	5,5	Bê tông xi măng	**Lê Đức Toàn**
11	Đường Nội thị số 4	Tỉnh lộ 12B (Nhà bà Nhàn)	Ngã ba xóm Hàn Cơ	200	5	3	5	3	Bê tông xi măng	**Huỳnh Đình Túc**
12	Đường Nội thị số 6	Tỉnh lộ 12B (Công ty Về Nguồn)	Giáp xã Hương Thọ	2.500	5	3	7,5	5,5	Bê tông xi măng	**Ngọc Hồ**